

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 427/2022/DS-PT.

Ngày: 27-12-2022

V/v: *Tranh chấp chia thừa kế.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Trịnh Thị Phúc

2. Bà: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 480/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 354/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950, địa chỉ: số 6/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986, địa chỉ: số 6/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 6 năm 2021). (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Lê Văn L, sinh năm 1985, Công ty Luật TNHH một thành viên Sài Gòn Mê Kông. (có mặt)

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, địa chỉ: số 190/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: số 190/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 01 năm 2022).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị Bé L, sinh năm 1948, địa chỉ: số 15/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1968, địa chỉ: số 243/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969, địa chỉ: số 263/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1972, địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1978, địa chỉ: số 15/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981, địa chỉ: số 15/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1983, địa chỉ: số 15/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc D:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987, địa chỉ: số 190/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 8 năm 2020). (có mặt)

8. Bà Trần Thị A, sinh năm 1958, địa chỉ: số 26/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

9. Ông Trần Quốc L, sinh năm 1979, địa chỉ: số 6/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

10. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986, địa chỉ: số 6/5, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Bà M là con của ông Nguyễn Văn B, chết năm 1970 và bà Trương Thị K, chết năm 2004. Cha của ông B là ông Nguyễn Văn Sửu (chết năm 1960), mẹ ông B là bà Nguyễn Thị Dần (chết năm 1932). Cha của bà K là ông Trương Văn Đàm (chết năm 1980). Mẹ của bà K là bà Trương Thị Ớt (chết năm 1938). Ông B và bà K có 04 người con gồm ông Nguyễn Ngọc H (đã chết), bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Bé (đã chết, không có vợ con), và bà Nguyễn Thị H.

Ông Nguyễn Ngọc H chết, vợ ông Hiếu là bà Đặng Thị Bé L, ông Hiếu và bà L có 5 người con gồm ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Ánh H, ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Nguồn gốc ngôi nhà 02 căn tọa lạc tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, xã B, diện tích 106,7m<sup>2</sup>, do cha mẹ bà M tạo lập nên. Ngày 22/6/1998, bà Khá lập di

chức để  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 126, diện tích 53m<sup>2</sup> cho bà M, sau khi bà M chết thì con bà M là ông Trần Quốc L được hưởng căn nhà nêu trên. Đồng thời bà K lập di chúc để lại  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất 126, diện tích 53m<sup>2</sup> cho ông B. Sau khi ông B chết thì bà H được hưởng di sản, nếu bà H chết thì con ruột là ông Nguyễn Quốc D được hưởng di sản, nhưng với điều kiện là bà H, ông Dũng phải nuôi ông B suốt đời. Tuy nhiên, bà H và ông Dũng không đồng ý nuôi ông B theo nội dung đã nêu trong di chúc, nên ngày 06/12/2004 bà H, ông Dũng làm đơn từ chối di sản thừa kế và đã được Ủy ban nhân dân xã chứng thực. Từ đó đến nay, bà M là người quản lý, sử dụng căn nhà để thờ cúng và trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ông B đến khi ông B qua đời.

Thời gian gần đây, bà H tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với căn nhà được bà K nêu trong di chúc. Nhận thấy yêu cầu của bà H là không phù hợp với quyết định từ chối hưởng di sản thừa kế trước đây, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M, nên bà M đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B hòa giải nhưng không thành.

Nay bà M yêu cầu công nhận nội dung bản di chúc ngày 22/6/1998, chấp nhận cho bà M được sở hữu  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất 53m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, diện tích 106,7m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An. Bà M yêu cầu được nhận khu A theo mảnh trích đo địa chính số 23-2021, do công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 31 tháng 3 năm 2021, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021.

Đối với  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất 53m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3 được nêu trong bản di chúc ngày 22/6/1998 để cho bà H sử dụng với điều kiện phải chăm sóc ông B cho đến khi qua đời. Tuy nhiên, bà H đã từ chối hưởng di sản, không nuôi dưỡng ông B, bà M là người chăm sóc ông B và quản lý nhà đất cho đến nay, do đó bà M đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất 53m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 126 nêu trên, là khu B theo mảnh trích đo địa chính số 23-2021 do công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 31 tháng 3 năm 2021, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021. Bà M yêu cầu được nhận phần nhà và đất này, bà M sẽ thanh toán giá trị di sản cho những người thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Bà M đồng ý nhận chi phí khám chữa bệnh, chăm sóc cho ông B với số tiền là 50.000.000 đồng.

*Bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày trong bản tự khai và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Cha bà H là ông Nguyễn Văn B (đã chết) và mẹ bà H là bà Trương Thị K (đã chết). Nguồn gốc ngôi nhà 02 căn trên thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, xã B, diện tích 106,7m<sup>2</sup>, do cha mẹ bà Hồng tạo lập nên. Bà Khả lập di chúc để  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất 126, diện tích 53m<sup>2</sup> cho bà M. Đồng thời bà K lập di chúc để lại  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất 126, diện tích 53m<sup>2</sup> cho ông B (ông B chết năm 2019). Sau khi ông B chết thì bà H được hưởng di sản. Năm 2004, bà H không có làm đơn từ chối di sản thừa kế là quyền sử dụng đất mà bà Hồng chỉ làm văn bản từ chối nhận tài sản trên đất, văn bản này do bà M làm

sẵn, khi bà Hồng ký tên thì bà Hồng không có đọc nội dung văn bản. Nay bà H không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản mà bà K để lại cho ông B, bà H yêu cầu được nhận di sản của bà Khả theo di chúc, nhận bằng hiện vật tại khu B và C, để làm nơi thờ cúng ông bà. Bà H đồng ý cho bà M hưởng khu A theo yêu cầu của bà M. Bà Hồng đồng ý thanh toán cho bà Mui chi phí khám chữa bệnh, chăm sóc cho ông Bé với tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:* Ông Hùng là con của ông Nguyễn Ngọc H (đã chết) và bà Đặng Thị Bé L. Ông Nguyễn Văn B là ông nội của ông Hùng, chết năm 1970 và bà nội ông Hùng là bà Trương Thị K, chết năm 2004. Ông Hùng là người đang thờ cúng ông B và bà K.

Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu công nhận nội dung bản di chúc ngày 22/6/1998, chấp nhận cho bà M được sở hữu  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất 53m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, diện tích 106,7m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An thì ông Hùng đồng ý.

Đối với đề nghị của bà M về việc giao  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất 53m<sup>2</sup> còn lại thuộc một phần thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3 cho bà M thì ông Hùng không đồng ý, ông Hùng đồng ý giao  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất 53m<sup>2</sup> còn lại thuộc một phần thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3 cho con của bà H là ông Nguyễn Quốc D, với điều kiện là ông Dũng phải hỗ trợ ông Hùng chi phí thờ cúng ông B và bà K.

Trường hợp các đương sự khác không thống nhất theo ý kiến của ông Hùng, thì ông Hùng đồng ý chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông B, ông Hùng đồng ý để bà H nhận hiện vật, bà H thanh toán lại giá trị di sản cho những người thừa kế khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị My trình bày:* Ông Lợi và bà My về nhà của bà K (nhà đang tranh chấp) sinh sống từ ngày 02 tháng 3 năm 2022 đến nay. Ông Lợi và bà My đồng ý với trình bày và yêu cầu của bà M.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc D là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* Bà Nguyễn Thị M yêu cầu công nhận nội dung bản di chúc ngày 22/6/1998, chấp nhận cho bà M được sở hữu  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất 53m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, diện tích 106,7m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Long An thì ông Dũng đồng ý.

Đối với đề nghị của bà M về việc giao  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất 53m<sup>2</sup> còn lại thuộc một phần thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3 cho bà M thì ông Dũng không đồng ý, ông Dũng đồng ý giao  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất 53m<sup>2</sup> còn lại thuộc một phần thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3 cho bà H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Ánh trình bày tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 15 tháng 4 năm 2022 như sau:* Bà Ánh với bà Mui và bà Hồng không có tranh chấp về ranh giới đất. Thửa đất của bà Ánh là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 3 xã Bình Quới, giáp ranh với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3 xã Bình Quới do bà Trương Thị Khả đứng tên. Tại vị trí giáp

ranh giữa phần đất của bà Ánh với phần đất của bà Khả và đường nước công cộng, đất của bà Ánh còn khoảng 25cm. Từ trước đến nay bà Ánh và gia đình bà Khả không có tranh chấp về ranh giới đất. Trong vụ án tranh chấp thừa kế giữa bà Mui và bà Hồng, bà Ánh không có tranh chấp ranh giới.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện C tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 102 /2022/DS-ST ngày 28 /09 /2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 468, các Điều 624, 630, 635, 636, 643, 644 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M được hưởng  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, là khu A có diện tích là  $56,3m^2$ , theo Mạnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, là khu B có diện tích là  $50,4m^2$  và khu C có diện tích là  $5,2m^2$  theo mảnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021.

Bà Nguyễn Thị H được hưởng  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, là khu B có diện tích là  $50,4m^2$  và khu C có diện tích là  $5,2m^2$  theo Mạnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị M tiền công chăm sóc ông Nguyễn Văn Bé với số tiền là 50.000.000 đồng.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản với tổng số tiền là 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị M đã nộp tạm ứng số tiền này. Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  chi phí này. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà

Nguyễn Thị M số tiền là 8.250.000 đồng (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp miễn án phí.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 13 tháng 10 năm 2022, bà Nguyễn Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị M được quyền quản lý, sử dụng  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, tại khu A diện tích 56,3m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, theo Mảnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021.

Bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3 tại khu B diện tích 50,4m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, theo Mảnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thoái hoàn cho bà Nguyễn Thị M tiền công chăm sóc ông Nguyễn Văn Bé với số tiền là 50.000.000 đồng và số tiền 90.500.000 đồng là giá trị một phần thừa kế  $\frac{1}{2}$  căn nhà và đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT tại xã B, huyện C, tỉnh Long An. Tổng số tiền bà H phải trả cho bà M là 140.500.000 đồng.

Đối với phần đất tại khu C diện tích 5,2m<sup>2</sup> theo Mảnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021 các bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Các đương sự thống nhất mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  tổng chi phí tố tụng với số tiền là 8.250.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Tại tòa các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

- Kháng cáo của bà Nguyễn Thị M thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về nội dung và thời hạn kháng cáo, đủ căn cứ và hợp pháp để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M đại diện cho bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Thanh T đại diện cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Quốc D đã thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án như sau: Bà M đồng ý giao cho bà H được hưởng  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, là khu B có diện tích là 50,4m<sup>2</sup> theo Mảnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021, bà H đồng ý thanh toán lại cho bà M số tiền 90.500.000đồng là giá trị một phần thừa kế  $\frac{1}{2}$  căn nhà và đất trên. Đồng thời, các bên cũng thống nhất mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  tổng chi phí tố tụng. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của bà Nguyễn Thị M có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của của bà Nguyễn Thị M được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp thừa kế và giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Bé L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Ánh H, ông Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Trần Thị A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M thấy rằng: Đối với  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất  $50.4m^2$  thuộc một phần thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3 được nêu trong bản di chúc ngày 22/6/1998 để cho bà H sử dụng với điều kiện phải chăm sóc ông B cho đến khi qua đời. Tuy nhiên, bà H có văn bản từ chối hưởng di sản, không nuôi dưỡng ông B, bà M là người chăm sóc ông B và quản lý nhà đất cho đến nay, do đó bà M đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với  $\frac{1}{2}$  căn nhà và diện tích đất  $50.4m^2$  thuộc một phần thửa đất số 126 nêu trên, là khu B theo Mảnh trích đo địa chính số 23-2021 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 31 tháng 3 năm 2021 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021. Bà M yêu cầu được nhận phần nhà và đất này, bà M sẽ thanh toán giá trị di sản cho những người thừa kế khác theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị M do bà Nguyễn Thị M đại diện; bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Quốc D do bà Nguyễn Thị Thanh T đại diện đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Bà M đồng ý giao cho bà H được hưởng  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, đất tại xã B, huyện C, tỉnh Long An tại khu B diện tích là  $50,4m^2$  theo Mảnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021, bà H đồng ý thanh toán lại cho bà M số tiền 90.500.000 đồng là giá trị một kỷ phần thừa kế nhà và đất nêu trên. Ngoài ra, các đương sự còn thống nhất mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  tổng chi phí tố tụng với số tiền là 8.250.000 đồng. Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết diện tích đất tại khu C diện tích  $5,2m^2$  theo Mảnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 296, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 624, Điều 630, Điều 635, Điều 636, Điều 643, Điều 644 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà của bà Nguyễn Thị M với bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế cụ thể:

1.1. Bà Nguyễn Thị M được quản lý và sử dụng  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 126, tại khu A diện tích là 56,3m<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, đất tọa lạc tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

1.2. Bà Nguyễn Thị H được quản lý và sử dụng  $\frac{1}{2}$  căn nhà và  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 126 tại khu B có diện tích là 50,4m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT tại xã B, huyện C, tỉnh Long An.

1.3. Vị trí tứ cận đất tại khu A, khu B theo Mảnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành ký duyệt ngày 02 tháng 4 năm 2021.

1.4. Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo quy định của pháp luật. Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào quyết định của Tòa án để điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Trường hợp bên có nghĩa vụ thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

1.5. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M tiền công chăm sóc ông Nguyễn Văn Bé với số tiền là 50.000.000 đồng và số tiền 90.500.000 đồng là giá trị một phần thừa kế  $\frac{1}{2}$  căn nhà và đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT tại xã B, huyện C, tỉnh Long An. Tổng số tiền bà H phải trả cho bà M là 140.500.000 đồng.

1.6. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản với tổng số tiền là 16.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị M đã nộp tạm ứng số tiền này. Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  chi phí này. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 8.250.000 đồng.

1.7. Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H được miễn án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Thị Cẩm Hồng**